TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 27/5/2020
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu.

Ông Doãn Đức Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Kiều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh ĐN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa:* ông Đinh Ngọc Mạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh ĐN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 4, ấp HL, xã HT, huyện TB, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Anh Đỗ Quang T**,** sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 23, đường 11, ấp HB, xã ĐH, huyện TB, tỉnh ĐN.

(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2019, biên bản hòa giải trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Đỗ Quang T tự nguyện yêu thương chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, được UBND xã HT, huyện TB, tỉnh ĐN cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2017. Qúa trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau đời sống chung gặp nhiều khó khăn, anh T có biểu hiện không như người bình thường. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Do vậy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có.

- Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa xét xử bị đơn anh Đỗ Quang T đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng qui trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh T tự nguyện yêu thương chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện TB, tỉnh ĐN vào ngày 11/12/2017. Qúa trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm, anh T có biểu hiện không như người bình thường. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T.

Trong quá trình làm việc anh T vắng mặt, không tham gia tại các buổi làm việc cũng như hòa giải tại Tòa án chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T.

Do vậy cần chấp nhận chị yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung không có, nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Quang T. Anh T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp HB, xã ĐH, huyện TB, tỉnh ĐN. Do đó, đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đỗ Quang T vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự Toà án vẫn xét xử vắng mặt anh T.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã HT, huyện TB, tỉnh ĐN số: 73 ngày 11/12/2017 và căn cứ theo lời trình bày của các đương sự là tự nguyện kết hôn có thể xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Đỗ Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh T không hạnh phúc, do mâu thuẫn gia đình kéo dài. Chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình làm việc anh T vắng mặt, không tham gia tại các buổi làm việc cũng như hòa giải tại Tòa án chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T.

Theo biên bản xác minh ngày 19/3/2020 đại diện chính quyền địa phương cho biết việc mâu thuẫn gia đình của chị T và anh T địa phương không nắm rõ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó lẫn nhau nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Quang T.

- Về con chung: Không có, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0006865 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

[5]. Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện TB về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh T

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Quang T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0006865 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Đỗ Quang T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND H. TB;
- THADS H. TB;
- UBND xã HT, huyện TB,tỉnh ĐN;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Châu Ngọc Hà